

Bản án số: 11/2025/ST-HNGĐ
Ngày 10/01/2025
V/v: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Xuân Mai.

2/ Bà Dương Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Đạo – Thư ký Toà án ND huyện Mê Linh

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2024/TLST HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024. Về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 09/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 195 ngày 25/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **H**, sinh năm 1977.

HKTT: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **H1**, sinh năm 1986.

HKTT: , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị H. Vắng mặt: Anh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 19/9/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H trình bày:*

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 31 ngày 03/4/2020. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, chị H và anh H1 về chung sống tại gia đình anh H1, ở thôn, xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; từ tháng 6/2023, đến nay vợ chồng có nhiều mâu thuẫn sâu sắc. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị H và anh H1 sống không hợp nhau trong tính cách; bất đồng trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế; cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; vợ chồng sống không còn tình cảm; do vợ chồng có mâu thuẫn sâu sắc nên chị H thuê nhà ở riêng từ

tháng 6/2023 đến nay; từ đó vợ chồng sống ly thân và không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được gia đình hai bên hòa giải; chính quyền địa phương chưa hòa giải vì chị H và anh H1 không có đơn yêu cầu. Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; chị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh H1.

2/ *Về con chung*: Vợ, chồng chị H và anh H1 có 01 con chung là T3, sinh ngày 06/4/2018; Hiện tại cháu T đang ở cùng chị H; Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh H1 xin thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Hiện tại chị H làm tự do, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng

3/ *Về tài sản*: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị H xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ *Về án phí sơ thẩm*: Chị H xin chịu cả.

Ngoài ra, chị H không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

* *Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/7/2023; đơn trình bày đề ngày 18/10/2024, bị đơn anh H1 trình bày*:

- Anh H1 và chị H không còn tình cảm; không có tiếng nói chung; chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý.

- Về con: Anh H1 và chị H có 01 con chung là T3, sinh ngày 06/4/2018; ly hôn chị H nuôi dưỡng cháu T.

- Về tài sản: Anh H1 và chị H không có tài sản gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh H1 làm ăn ở xa không về được; anh H1 xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra anh H1 không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Quy định về án phí.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H; chị H được ly hôn anh H1.
- Về con: Giao cháu T3, sinh ngày 06/4/2018 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác; Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.
- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- + Án phí ly hôn: Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đọc thẩm tra, đánh giá tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền: Anh H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn, xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Mê Linh theo qui định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục: Anh H1 hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú, không thường xuyên có mặt tại gia đình; đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án làm việc, thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; nhưng anh H1 đều không có mặt để làm việc; anh H1 có đơn trình bày cung cấp ý kiến cho Tòa án; tại phiên tòa lần đầu và lần này anh H1 vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh H1 và dành quyền kháng cáo cho anh H1 theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện; tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 31 ngày 03/4/2020. Vì vậy, hôn nhân của chị H và anh H1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H xác định: Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; từ tháng 6/2023, đến nay vợ chồng có nhiều mâu thuẫn sâu sắc. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị H và anh H1 sống không hợp nhau trong tính cách; bất đồng trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế; cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; vợ chồng sống không còn tình cảm; do vợ chồng có mâu thuẫn sâu sắc nên chị H thuê nhà ở riêng từ tháng 6/2023, đến nay; từ đó vợ chồng sống ly thân và không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có; chị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh H1. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày xác định: Anh H1 và chị H không còn tình cảm; không có tiếng nói chung; chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 để giải phóng cho cả hai bên yên ổn làm ăn, ổn định cuộc sống nuôi dạy con chung là phù hợp.

[4.2] *Về con chung*: Chị H xác định: Vợ, chồng chị H và anh H1 có 01 con chung là T3, sinh ngày 06/4/2018; Hiện tại cháu T đang ở cùng chị H; Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày xác định: Anh H1 và chị H có 01 con chung là T3, sinh ngày 06/4/2018; ly hôn chị H nuôi dưỡng cháu T.

Xét thấy: Việc giao con cho ai trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào nguyện vọng của con; quyền lợi về mọi mặt của con và cũng là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cho ai thành niên. Hiện tại cháu T đang ở với chị H và do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu T có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường; Tại phiên tòa, anh H1 vắng mặt có đơn trình bày xác định: Ly hôn chị H nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; anh H1 không có lời khai và vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, giành lại giải quyết sau bằng vụ kiện khác, nếu các bên có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.3] *Về tài sản*: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị H và anh H1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.4] *Về án phí sơ thẩm*: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4.5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 220, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

[1] *Về hôn nhân*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H.

- Chị H được ly hôn anh H1.

[2] *Về con chung*: Vợ, chồng chị H và anh H1 có 01 con chung là T3, sinh ngày 06/4/2018 ; Hiện tại cháu T đang ở cùng chị H; Ly hôn giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Giành lại giải quyết sau bằng vụ kiện khác, nếu các bên có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị H và anh H1 đều xác định không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị H phải chịu để sung công quỹ nhà nước, nh^{ng} đ^{ợc} trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu số 0053c ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

[5] ☐n xử sơ thẩm công khai chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THADS huyện Mê Linh
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn.
- L- u hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Huy Duệ